

Bản án số: 211/2024/HNST.
Ngày: 31/7/2024.
V/v tranh chấp: “Ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Việt Chương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tám**.

2. Bà **Âu Thị Ngọc Hoa**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Tín** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngày 31/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2024 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Ánh T**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: khu X, thị trấn Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

2- Bị đơn: Anh **Dương Hữu H**, sinh năm 1983. Nơi cư trú: khu X, thị trấn Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh T trình bày:

Chị Phạm Thị Ánh T với anh Dương Hữu H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị T và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H thiếu trách nhiệm với vợ con nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2022 thì trở nên trầm trọng và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 02 con chung là cháu Dương Hữu L sinh ngày 20/3/2013 và cháu Phạm Hữu Ph, sinh ngày 13/11/2018, hiện nay sống với chị T.

- Tài sản chung; Nợ chung: không có.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh H.

- Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi 02 con chung là cháu Dương Hữu L sinh ngày 20/3/2013 và cháu Phạm Hữu Ph, sinh ngày 13/11/2018, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung; Nợ chung: không có.

Bị đơn anh H trình bày: Về điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, tài sản chung, nợ chung và con chung như chị T trình bày là đúng.

Nay về quan hệ hôn nhân anh cũng đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị T.

- Về con chung: Anh đồng ý giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung; Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

[1]- Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ánh T yêu cầu ly hôn với anh Dương Hữu H nên xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào địa chỉ sinh sống của anh Dương Hữu H ở khu X, thị trấn Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn và nuôi con” theo quy định tại điều 56 và điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2]- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ánh T với anh Dương Hữu H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị T và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H thiếu trách nhiệm với vợ con nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2022 thì trở nên trầm trọng và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay.

Tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ và yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh H và phía anh H cũng đồng ý. Theo qui định của Luật Hôn nhân và gia đình nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ như chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H không được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[3]- Chị Phạm Thị Ánh T yêu cầu nuôi 02 con chung là cháu Dương Hữu L sinh ngày 20/3/2013 và cháu Phạm Hữu Ph, sinh ngày 13/11/2018, Xét thấy hiện tại cháu Lộc và cháu Phát sống với chị T có cuộc sống ổn định, chị T nuôi dưỡng các

cháu tốt và các cháu cũng có nguyện vọng sống với chị T. Hơn nữa, các cháu còn nhỏ nên phải cần sự chăm sóc của mẹ tốt hơn. Căn cứ vào điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4]- Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]- Tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]-Về án phí: Chị Phạm Thị Ánh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1- Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Ánh T với anh Dương Hữu H.

2- Con chung: Tiếp tục giao 02 con chung là cháu Dương Hữu L sinh ngày 20/3/2013 và cháu Phạm Hữu Ph, sinh ngày 13/11/2018 cho chị Phạm Thị Ánh T nuôi dưỡng. Anh Dương Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Nếu anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

3- Tài sản chung, nợ chung: không có.

4- Án phí: Chị Phạm Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0015029 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên thi hành xong phần án phí.

5- Chị Phạm Thị Ánh T và anh Dương Hữu H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè ;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Y;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Việt Chương